



### 1. Diễn tả “có” điều gì đó với There is và There are.

#### There is

#### There are

(+)	There is + a/an + Ns	There are + Np
(-)	There isn't + a/an + Ns	There aren't any + Npl
(?)	Is there + a/an + Ns?	Are there any + Npl?

**Chú ý:** Ns = **Danh từ số ít.**

Npl = **Danh từ số nhiều.**

#### Ví dụ:

- There is a dog in the room.  
(Có một chú chó trong phòng.)
- There aren't any notebooks in the school bag.  
(Trong cặp không có quyển vở nào.)
- Is there a cat in the house?  
(Trong nhà có mèo không?)
- Are there any pupils in the classroom?  
(Có học sinh nào trong lớp học không?)

### 2. Giới từ chỉ địa điểm- Prepositions of place.

1. **at:** ở, tại (at home, at the station, at seaside, at the airport)

2. **In:** trong, ở trong

(In the room/ building/ kitchen/ garden/ restaurant/ office/ park/ pool/ mountains/ sea/ river/ forest/ field/ desert/ village/ town/ country/ city...)

Eg: There are 400 seats in the theater/ cinema

(Có 400 chỗ ngồi trong rạp xiếc/ rạp chiếu bóng)

3. **On:** trên, ở trên

(on the table/ carpet/ wall/ ceiling/ blackboard/ screen/ pavement/ door/ shirt/ map/ page)

4. **Above** (ở trên)

The picture is above the bed. (Bức tranh ở phía trên đầu giường.)

5. **Under** (ở dưới)

The dog is under the table. (Con chó ở dưới cái bàn.)

## 6. Below (ở dưới)

He lives below my flat. (*Anh ấy sống ở dưới căn hộ của tôi.*)

\*Chú ý:

- **under** dùng khi 1 vật ở dưới trực tiếp 1 vật khác

- **below** dùng khi 1 vật ở dưới vật khác nhưng có thể xa và lệch

## 7. Between (ở giữa)

I am standing between my brother and sister. (*Mình đang đứng giữa anh trai và chị gái mình.*)

## 8. Among (ở giữa)

I couldn't find him among a sea of people. (*Tôi không thể tìm thấy anh ấy giữa một biển người.*)

\*Chú ý:

- **between** dùng khi chỉ có 2 đối tượng

- **among** dùng khi có nhiều hơn 2 đối tượng

## 9. In front of (ở trước)

The tree in front of the house is dying. (*Cây trước nhà đang lui tàn dần.*)

## 10. Behind (ở đằng sau)

Do you know the girl behind the door? (*Bạn có biết cô gái đằng sau cánh cửa không?*)

## 11. Next to (bên cạnh)

The bakery is next to the bookstore. (*Tiệm bánh ở bên cạnh hiệu sách.*)

## 12. Beside (bên cạnh)

Who is the man standing beside you? (*Người đàn ông đứng cạnh bạn là ai thế?*)

## 13. Near (gần)

My school is near a park. (*Trường mình gần 1 công viên.*)

## 14. Opposite (đối diện)

They sat opposite each other. (*Họ ngồi đối diện nhau.*)

### Task 1. Complete the sentences with There is/ There are.

- \_\_\_\_\_ 25 students in the class.
- \_\_\_\_\_ a big wardrobe in my sister's room.
- \_\_\_\_\_ a computer and a TV in my room.
- \_\_\_\_\_ good programs on television.
- \_\_\_\_\_ some furniture in my bedroom.
- \_\_\_\_\_ four eggs in the fridge.

7. \_\_\_\_\_ a lot of water in the bottle.  
 8. \_\_\_\_\_ no paper in the printer.

**Task 2. Use the words to write positive (+) and negative (-) sentences and questions (?) with *there is* / *there are*.**

1. a bath in the bathroom (?) *Is there a bath in the bathroom?*  
 2. some shops near our new house (+) \_\_\_\_\_  
 3. a school in the neighbourhood (?) \_\_\_\_\_  
 4. a television in my bedroom (-) \_\_\_\_\_  
 5. any cupboards in the dining room (?) \_\_\_\_\_  
 6. a swimming pool behind the house (+) \_\_\_\_\_  
 7. any flowers in the garden (-) \_\_\_\_\_  
 8. a lot of posters on the wall (+) \_\_\_\_\_

**Task 3. Read and complete with *there is*, *there are* + preposition**



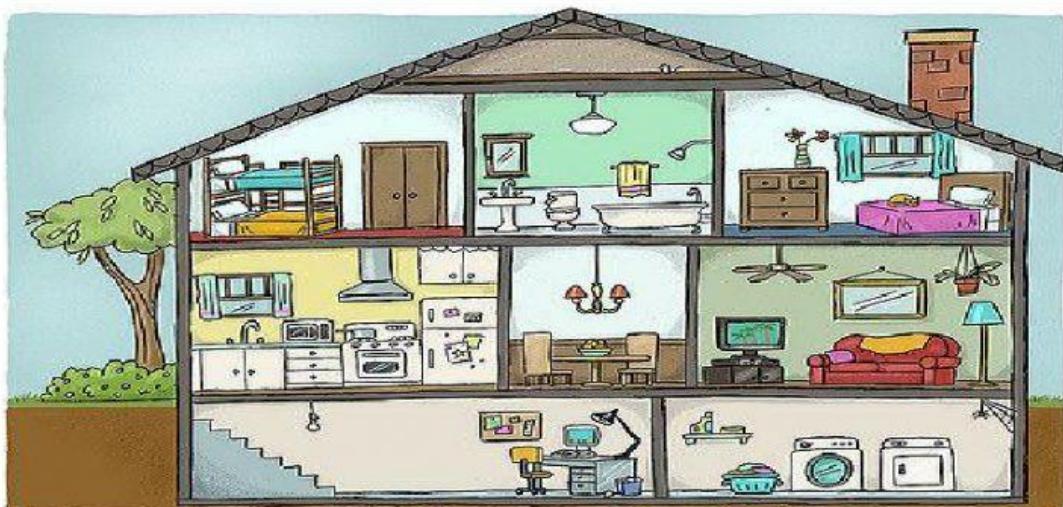
1. \_\_\_\_\_ TV \_\_\_\_\_ the shelf.  
 2. \_\_\_\_\_ two sofas \_\_\_\_\_ the room.  
 3. \_\_\_\_\_ two cushions \_\_\_\_\_ the bed.  
 4. \_\_\_\_\_ a lamp \_\_\_\_\_ the bedside cabinet.  
 5. \_\_\_\_\_ nothing \_\_\_\_\_ the bed.  
 6. \_\_\_\_\_ two windows \_\_\_\_\_ the room.  
 7. \_\_\_\_\_ a table \_\_\_\_\_ the TV.  
 8. \_\_\_\_\_ a picture \_\_\_\_\_ the wall.  
 9. \_\_\_\_\_ a door \_\_\_\_\_ the picture.  
 10. \_\_\_\_\_ a clock \_\_\_\_\_ two windows.

#### Task 4. Complete the questions with *Is there* or *Are there*. Then write short answers

1. \_\_\_\_\_ many shops in your town? Yes, \_\_\_\_\_.
2. \_\_\_\_\_ a post office near here? No, \_\_\_\_\_.
3. \_\_\_\_\_ a table and chairs in the kitchen? Yes, \_\_\_\_\_.
4. \_\_\_\_\_ any trees in your garden? No, \_\_\_\_\_.
5. \_\_\_\_\_ a book under the table? Yes, \_\_\_\_\_.
6. \_\_\_\_\_ any girls in the class? Yes, \_\_\_\_\_.
7. \_\_\_\_\_ any coffee in the cup? No, \_\_\_\_\_.
8. \_\_\_\_\_ a lot of children in the yard? No, \_\_\_\_\_.

#### Task 5. Complete the sentences with the correct prepositions from the box.

near above under in (3) on (3) next to (2) between behind



1. The trees are \_\_\_\_\_ the house.
2. The dining room is \_\_\_\_\_ the living room and the kitchen.
3. The kitchen sink is \_\_\_\_\_ the window.
4. The bath is \_\_\_\_\_ the bathroom.
5. The flower vase is \_\_\_\_\_ the chest of drawers.
6. The fridge is \_\_\_\_\_ the cooker.
7. The mirror is \_\_\_\_\_ the bathroom sink.
8. The television is \_\_\_\_\_ the cupboard \_\_\_\_\_ the sofa.
9. The microwave is \_\_\_\_\_ the counter \_\_\_\_\_ the kitchen.
10. The washing machine is \_\_\_\_\_ the dryer \_\_\_\_\_ the basement.